

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2017 – 2018
(Kèm theo Quyết định số 45/QĐ-PTDTNT ngày 31 / 10 /2017)

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Chức vụ, kiêm nhiệm	Giảng dạy	Ghi chú
1.	Phạm Thị Huệ	Công nghệ	H. trưởng	CN 9B(1); HN 9 (1)	2t/tuần
2.	Tạ Quang Sỹ	Toán	P. HT	Toán 10 (3+2)	5t/tuần
3.	Hà Thị Dung	Tiếng Anh	P. HT	Tiếng Anh 9(4)	4t/tuần
4.	Nguyễn Thị Hà	Toán-Lí	CT CD (3)	Toán 9A,B(8); Vật lí 6A,B(2)	13t/tuần
5.	Hồ Suýt Khênh	Toán-Lí	GVCN 8A	Toán 8A,B(8); CN 6 B(2)	14t/tuần
6.	Bùi Thị Yên	Toán-Lí	GVCN 7B;TTr	Toán 7A,B(8); Vật lí 7A,B(2)	14t/tuần
7.	Hà Thị Minh	Toán-Lí	GVCN 6A	Toán 6A,B(8); CN 6 A(2)	14t/tuần
8.	Phạm Thị Nguyệt	Văn –Sử	GVCN 8B	Văn 8A,B(8); Sử 7A,B(4)	16t/tuần
9.	Phạm Hồng Thúy	Văn-TV	Tổ trưởng(3)	Văn 9A,B(10)	14t/tuần
10.	Trần Thị Trang	Văn-Địa	GVCN 7A	Văn 7A,B(8); Địa 6A,B(2)	14t/tuần
11.	Bùi Thị Thu	Văn –Sử	GVCN 6B	Văn 6A,B(8); GD CD 9A,B(2);	14t/tuần
12.	Phạm Tiến Dũng	Lí-CN	Tổ trưởng(3)	Lí 8A,B(2); Lí 9A,B(4); CN 8A,B(3); CN 9A (1); CN 10 (1,5)	14,5t/tuần
13.	Hà Văn Giáp	Thể dục	TPT Đội	TD 6B,10(4); GDQP-AN 10(1)	5t/tuần
14.	Lê Thị Tuyết	Văn- Sử	BT Đoàn(9)	Sử 8A,B(3); Sử 9A,B(3); Sử 6A,B(2)	17t/tuần
15.	Hà Thị Dung	Sinh-Hóa	GVCN 9B	Sinh 9A,B(4);Hóa 8A,B(4); Sinh 6A(2)	14t/tuần
16.	Trịnh Bình Thìn	Tiếng Anh	Lao động(3)	Anh 6,A,B(6); Anh 8A,B(6); GD CD 8A,B (2)	17t/tuần
17.	Ngân Thị Hữu	Tiếng Anh	GVCN10	Anh 6A, B(6); Quản trú (6)	16t/tuần
18.	Vũ Văn Tuấn	Âm nhạc	Văn nghệ (3)	Nhạc Khôì 6,7,8(6); GD CD 6A,B(2); CN 7A,B(3)	15t/tuần
19.	Hà Công Vĩnh	Mĩ thuật	PBT; TK (6)	Họa Khôì 6,7,8,9(8); GD CD 7A,B(2)	16t/tuần
20.	Phạm Triều Đình	Thể dục	Thể thao (3)	Thể dục 6A; Thể dục Khôì 7,8,9	17t/tuần
21.	Nguyễn Thị Anh	Hóa-Địa	GVCN 9A	Địa 7A,B(4); Địa 8A,B(3); Địa 9A,B(3)	14t/tuần
22.	Ngân Văn Toàn	Tin học		Tin học khôì 6,7,8,9, 10 (18)	18t/tuần
23.	Dương Việt Hồng	Sinh-Hóa		Sinh 6B(2); Sinh 7A,B(4); Sinh 8A,B(4); Hóa 9A,B(4)	14t/tuần